TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Đông

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1993; địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hoàng N1, sinh năm: 1991; địa chỉ: ấp K, xã L huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Vào năm 2017, chị N và anh N1 tự nguyện kết hôn, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06-6-2017. Sau khi kết hôn, chị N và anh N1 sống chung hạnh phúc một thời gian thì giữa chị N và anh N1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên từ tháng 02-2024, chị N và anh N1 không còn sống chung.

Trong thời gian hôn nhân, chị N và anh N1 có 01 (Một) con chung tên Phạm Hoàng Đăng N2, sinh ngày 05-10-2018. Hiện tại cháu N2 đang sống cùng anh N1. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Hoàng N1.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu giao cho anh Phạm Hoàng N1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Hoàng Đăng N2, sinh ngày 05-10-2018 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 27-6-2024, anh Phạm Hoàng N1 trình bày:*

Anh N1 không có yêu cầu phản tố, đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, thì anh N1 có ý kiến thống nhất với toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hoàng N1 đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Anh Phạm Hoàng N1 thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Hoàng Đăng N2, sinh ngày 05-10-2018 cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Hoàng N1 thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên hòa giải ngày 27-6-2024, chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Hoàng N1 thống nhất thỏa thuận như sau:*

Chị N và anh N1 thuận tình ly hôn; về con chung thống nhất giao con chung tên Phạm Hoàng Đăng N2, sinh ngày 05-10-2018 cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Đơn xin thay đổi ý kiến ngày 28-6-2024, anh Phạm Hoàng N1 trình bày:*

Anh N1 không đồng ý ly hôn vì anh N1 còn rất thương chị N và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Hoàng N1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên các đương sự không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham

gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập lần thứ hai.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên chị N được ly hôn với anh N1; về con chung giao cháu Phạm Hoàng Đăng N2, sinh ngày 05-10-2018 cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị N khởi kiện anh N1 để yêu cầu ly hôn và giao con chung cho anh N1 nuôi dưỡng, nhưng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh N1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn"*. Như vậy, chị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N1 theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N trình bày sau khi kết hôn, chị N và anh N1 sống chung hạnh phúc một thời gian thì giữa chị N và anh N1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên từ tháng 02-2024, chị N và anh N1 không còn sống chung. Ngày 27-6-2024, Tòa án đã hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, để chị N và anh N1 đoàn tụ với nhau, nhưng chị N và anh N1 thống nhất thuận tình ly hôn. Đến ngày 28-6-2024, anh N1 có đơn thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn, Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, để chị N và anh N1 đoàn tụ với nhau, nhưng cả hai đều không tham gia hòa giải. Đồng thời, chị N nộp văn bản phản hồi ý kiến về việc không đồng ý hàn gắn tình cảm, giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị N và anh N1 đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, chị N và anh N1 có một người con chung tên Phạm Hoàng Đăng N2, sinh ngày 05-10-2018, hiện tại đang sống cùng anh N1. Khi ly hôn, chị N yêu cầu giao con chung cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh N1 đã thống nhất thỏa thuận giao cho anh N1 trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, hiện tại cũng không ai thay đổi ý kiến, đồng thời, con chung đang sống cùng với anh N1. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu Phạm Hoàng Đăng N2, sinh ngày 05-10-2018 cho anh N1 tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi; chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Xét thấy, kể từ khi chị N và anh N1 không còn sống chung với nhau, cháu N2 sống cùng với anh N1 vẫn đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu giao con chung cho anh N1 nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con và anh N1 cũng đồng ý không yêu cầu xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Từ đó, có căn cứ cho rằng anh N1 có đầy đủ các điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N2 và đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh N1 đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm, chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Hoàng N1.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Hoàng N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Hoàng Đăng N2, sinh ngày 05-10-2018 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003950 ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Minh Luân
(Đã ký)